

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **83/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 24 – 4 – 2025

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Bích T, sinh năm: 1990 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Th, xã Việt Thg, huyện Phú T, tỉnh Cà M.

Bị đơn: Ông Đặng Lý H, sinh năm: 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Th, xã Việt Thg, huyện Phú T, tỉnh Cà M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án bà Phan Thị Bích T là nguyên đơn thể hiện:

Về hôn nhân: Bà và ông Đặng Lý H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2007, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến ngày 05/4/2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, khoảng năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không lo làm ăn hay chơi bời, cờ bạc dẫn đến vợ chồng cự cãi thường xuyên. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha, mẹ hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Bà và ông H không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Bà T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông Đặng Lý H.

Về con chung: Bà T xác định: Ông, bà có ba người con chung tên Đặng Thành K, sinh ngày 17/9/2008; Đặng Trung Th, sinh ngày 21/10/2014; Đặng Xuân

Th, sinh ngày 06/02/2017, hiện các con đang sống với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi các con, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi các con Đặng Trung Th, Đặng Xuân Th mỗi tháng 2.000.000 đồng/con, hai con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi các con Th, Th đủ 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Thành K.

Về tài sản chung: Bà T xác định có tài sản chung nhưng ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Bà T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

Đối với ông Đặng Lý H, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đặng Lý H thông qua mẹ ruột của ông H là bà Dương Thị B nhận thay đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Đặng Lý H vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của bà Phan Thị Bích T về việc xin ly hôn với ông Đặng Lý H thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; ông H là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Tân Thành, xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Đặng Lý H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quy định nhưng ông Huỳnh vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Phan Thị Bích T có đơn xin không tham gia tố tụng, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông H theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Phan Thị Bích T và ông Đặng Lý H xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05/4/2010 tại UBND xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống ông, bà có nhiều mâu thuẫn. Xét thực tế cuộc sống chung của ông, bà có mâu thuẫn là đúng vì theo bà T thì vợ chồng ông, bà xảy ra mâu thuẫn thường xuyên trong nhiều năm. Ông, bà đã cự cãi nhiều lần, mỗi người sống một nơi. Trong khoảng thời gian này ông, bà không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ, chồng. Bên cạnh đó, bà T cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét chấp nhận cho bà ly hôn thì bà cũng không đoàn tụ, chung sống với ông H được nữa vì tình cảm vợ, chồng không còn. Đối với ông H quá trình Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay đã mời ông rất nhiều lần nhưng ông không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến. Do đó, Tòa án căn cứ vào những chứng cứ mà bà Thu nộp để giải quyết vụ án là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình

trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Bà T xác định: Ông, bà có ba người con chung tên Đặng Thành K, sinh ngày 17/9/2008; Đặng Trung Th, sinh ngày 21/10/2014; Đặng Xuân Th, sinh ngày 06/02/2017, hiện các con đang sống với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi các con.

Xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của bà T, ông H. Giao con cho bà T hoặc ông H trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con nhưng không phải giao các con cho bà T hoặc ông H nuôi thì người không trực tiếp nuôi các con bị tước đi các quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Mặc dù, bà T khai ông, bà đều có việc làm, thu nhập và nơi ở ổn định đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con cái nhưng việc ông, bà ly hôn đã phần nào ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các con nên cần phải hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng đời sống và bảo đảm được việc học hành, sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần của các con. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện các con còn bé dù ông H có yêu thương, cần mẫn, chịu khó, chăm sóc các con cũng không chu đáo bằng người mẹ. Hơn nữa, các cháu K, cháu Th và cháu Th cũng có ý kiến nguyện vọng sống cùng với mẹ nếu cha, mẹ cháu ly hôn, các cháu hiện còn nhỏ việc phát triển tâm sinh lý của các cháu cần phải có sự gần gũi, chăm sóc, chia sẻ của người mẹ và để gắn kết tình cảm anh, em giữa các cháu, để tránh sự xáo trộn tâm lý, cuộc sống của các cháu nên tiếp tục giao các cháu K, cháu Th và cháu Th cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Quá trình giải quyết bà Thu yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con Đặng Trung Th và Đặng Trung Th, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Thành K. Cấp dưỡng hàng tháng, mỗi người con là 2.000.000 đồng, hai người con là 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con Th và Th đủ 18 tuổi, tự nuôi sống được bản thân. Ông H không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu của bà T nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà T là để đảm bảo nhu cầu, cuộc sống hàng ngày của các con là có cơ sở nên chấp nhận.

Về thời gian cấp dưỡng do các đương sự không thỏa thuận nên được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phan Thị Bích T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Đặng Lý H không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Bà T xác định có nhưng ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Bà T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27

của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5, khoản 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Bích T về việc xin ly hôn ông Đặng Lý H.

2. Về con chung: Giao các cháu Đặng Thành K, sinh ngày 17/9/2008; Đặng Trung Th, sinh ngày 21/10/2014; Đặng Xuân Th, sinh ngày 06/02/2017, hiện các con đang sống với bà T cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc ông Đặng Lý H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con Đặng Trung Th và Đặng Xuân Th mỗi tháng 2.000.000 đồng cho một người con, hai người con mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi các con Th, Th đủ 18 tuổi, tự nuôi sống được bản thân. Về thời gian cấp dưỡng, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phan Thị Bích T có đơn yêu cầu thi hành án, ông Đặng Lý H không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Ông Đặng Lý H không trực tiếp nuôi các con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà T xác định có nhưng ông, bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Bà T khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà Phan Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 24 tháng 02 năm 2025, bà Thu đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0003855 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con, ông H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng, chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà T, ông H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Phú Tân;
- UBND thị trấn Cái Đôi Vàm,
huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thúy Dung